

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305447723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/06/2012. Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05/01/2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi khác.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Dương	Chủ tịch
Ông Trần Hoài Nam	Phó Chủ tịch
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Kính	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Mạnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Hùng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Lực	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Kính	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Văn Mạnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2012

Số: 419/2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được lập ngày 12 tháng 07 năm 2012 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Quế Dương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1382/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited
Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2012

Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1009/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MẪU B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		515.758.774.013	229.505.064.091
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	199.346.174.461	2.979.004.295
1. Tiền	111		9.346.174.461	2.979.004.295
2. Các khoản tương đương tiền	112		190.000.000.000	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	83.696.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	83.696.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		268.058.829.632	105.218.280.192
1. Phải thu khách hàng	131		169.309.310.885	57.967.075.539
2. Trả trước cho người bán	132		64.012.740.318	40.179.921.588
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	34.736.778.429	7.071.283.065
IV- Hàng tồn kho	140		41.759.532.605	37.184.805.604
1. Hàng tồn kho	141	5.4	41.759.532.605	37.184.805.604
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		6.594.237.315	426.974.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		670.786.715	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	5.923.450.600	426.974.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.041.191.469	45.575.839.161
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		3.778.639.958	4.246.360.158
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	3.778.639.958	4.246.360.158
- Nguyên giá	222		6.993.824.412	6.867.815.322
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.215.184.454)	(2.621.455.164)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		204.992.914	204.992.914
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(204.992.914)	(204.992.914)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	41.200.000.000	41.200.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.500.000.000	2.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		41.000.000.000	41.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá ĐTTC dài hạn	259		(2.300.000.000)	(2.300.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		62.551.511	129.479.003
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		49.551.511	116.479.003
3. Tài sản dài hạn khác	268		13.000.000	13.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		560.799.965.482	275.080.903.252
(270 = 100+200)				

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MẪU B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		317.591.360.276	186.412.070.234
I- Nợ ngắn hạn	310		317.580.696.776	180.913.540.748
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	15.494.790.235	-
2. Phải trả người bán	312		251.483.715.459	118.571.080.254
3. Người mua trả tiền trước	313		32.856.043.693	10.897.241.765
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	4.779.230.322	10.934.293.706
5. Phải trả người lao động	315		2.030.606.625	5.814.621.277
6. Chi phí phải trả	316	5.10	3.024.499.900	28.510.446.028
9. Các khoản phải trả, nộp khác	319	5.11	5.381.654.209	1.812.249.235
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.530.156.333	4.373.608.483
II- Nợ dài hạn	330		10.663.500	5.498.529.486
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		10.663.500	13.293.500
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.12	-	5.485.235.986
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		243.208.605.206	88.668.833.018
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	243.208.605.206	88.668.833.018
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	50.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(441.570.860)	(627.153.704)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.162.001.709	20.162.001.709
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.007.115.958	4.007.115.958
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.481.058.399	15.126.869.055
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN				
(440 = 300+400)	440		560.799.965.482	275.080.903.252

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	30/6/2012	1/1/2012
5. Ngoại tệ các loại			
USD		99.007	83.436
EUR		403	403



Trần Văn Mạnh

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2012

Nguyễn Ngọc Anh

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Yến

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MẪU B 02a - DN


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012


CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	477.855.726.522	246.294.656.036
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.14	3.021.640.244	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	474.834.086.278	246.294.656.036
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	441.745.820.031	208.519.113.638
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		33.088.266.247	37.775.542.398
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	2.205.615.371	5.527.305.922
7. Chi phí tài chính	22	5.17	219.847.763	1.717.255.506
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.937.538	276.314.934
8. Chi phí bán hàng	24	5.18	9.556.370.448	10.965.066.102
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.19	10.193.681.744	9.700.838.856
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		15.323.981.663	20.919.687.856
11. Thu nhập khác	31	5.20	209.624.394	799.246.649
12. Chi phí khác	32	5.20	327.206.931	312.165.965
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.20	(117.582.537)	487.080.684
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		15.206.399.126	21.406.768.540
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	3.801.599.782	5.351.692.135
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		11.404.799.344	16.055.076.405
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	999,55	3.211,02



Trần Văn Mạnh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2012


Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng


Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
		đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	15.206.399.126	21.406.768.540
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	593.729.290	532.477.766
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(1.792.970.863)	(3.660.206.839)
Chi phí lãi vay	6	16.937.538	276.314.934
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	14.024.095.091	18.555.354.401
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(169.007.812.755)	15.013.790.869
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(4.574.727.001)	34.917.198.032
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	117.214.499.000	(68.706.685.373)
Tăng chi phí trả trước	12	66.927.492	1.076.769.747
Tiền lãi vay đã trả	13	(16.937.538)	(276.314.934)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.319.500.180)	(2.260.326.334)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(50.613.455.891)	(1.680.213.592)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(126.009.090)	(287.612.727)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(551.233.143.268)
4. Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi	24	83.696.000.000	527.813.561.928
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(21.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.792.970.863	3.660.206.839
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	85.362.961.773	(41.046.987.228)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	150.000.000.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	25.908.790.235	32.113.794.891
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.414.000.000)	(20.000.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.877.125.951)	(2.544.263.224)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	161.617.664.284	9.569.531.667
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	196.367.170.166	(33.157.669.153)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.979.004.295	83.014.158.739
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	646.378.624
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	199.346.174.461	50.502.868.210



Trần Văn Mạnh

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2012

Nguyễn Ngọc Anh

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Yến

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09a - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305447723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/06/2012. Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05/01/2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi khác.

Tên tiếng Anh: Petroleum Trading Joint Stock Company

Tên viết tắt: Petechim JSC

Trụ sở Công ty: Lầu 11 tòa nhà Petroland Tower, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam (trước đây là Tầng 7 - Toà nhà Citilight - 45 Võ Thị Sáu - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh).

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/04/2011 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí; Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 19/07/2011; Giấy Chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 126/GCN-UBCK ngày 19/12/2011 do Chủ tịch Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo đó, Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh lần 10 là: 200 tỷ đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2012 là 116 (tại ngày 31/12/2011 là 99)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông - lâm - ngư nghiệp;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình, nông lâm sản, gia súc, gia cầm (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ), lương thực, thực phẩm, thuốc lá điều sản xuất trong nước, thuốc lá;
- Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế;
- Cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ khai thuê hải quan; Môi giới hàng hải;
- Dịch vụ đóng mới, sửa chữa máy móc tàu thuyền, giàn khoan và phương tiện nổi (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở; không thiết kế phương tiện vận tải);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; Kinh doanh vận tải biển; Đại lý vận tải biển; Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa;
- Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng, thiết kế Công trình, giám sát thi công); Tư vấn đấu thầu, quản lý dự án, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Sản xuất, mua bán phương tiện vận tải, hàng điện tử, trang thiết bị trường học, tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm, bia, rượu, nước giải khát (không kinh doanh ăn uống tại trụ sở);
- Hàng may mặc, giày dép, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ, gôm, sứ, vật liệu xây dựng (không tấy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may đan; không gia công cơ khí, sản xuất gốm, sứ thủy tinh, rượu, bia, nước giải khát tại trụ sở);
- Khai thác và mua bán khoáng sản (không khai thác tại trụ sở); Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng cầu cảng biển, công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình dầu khí, công trình thủy điện;

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT(Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú: khách sạn - nhà hàng ăn uống (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở); Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas và không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lập trình máy vi tính, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ Công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi, thiết bị liên lạc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)/.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là: Thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí./.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong Báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 tại Thuyết minh số 6.3.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

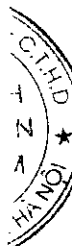
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này.



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ngoại tệ (Tiếp theo)**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản tài sản có gốc ngoại tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phân vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi ngược lại vào năm sau.

Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Tuy nhiên trong trường hợp nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán và phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng năm (5) năm tiếp theo.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay gặp các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản**Thời gian khấu hao (Năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	05
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	04

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm kế toán Công ty đang sử dụng. Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 3 năm.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Đại hội cổ đông của Công ty thông qua và có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU(Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty Mẹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty Mẹ, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	187.220.180	241.070.786
Tiền gửi ngân hàng	9.158.954.281	2.737.933.509
Các khoản tương đương tiền	190.000.000.000	-
Tổng	<u>199.346.174.461</u>	<u>2.979.004.295</u>

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 01/01/2012 thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng trong nước có thời hạn dưới 12 tháng.

5.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
VSP-Thu hộ DV khoan	28.047.806.674	-
Likpin International Ltd	5.206.455.781	5.259.185.804
Vinama Agencies Co.,Ltd	-	829.400.744
Liên Doanh Việt Nga VIETSOVPETRO	548.379.623	548.379.623
Schlumberger Seaco Inc,	-	420.955.036
CGGVERITAS AS SERVICES (SINGAPORE) PTE LTD	373.331.200	-
K Line Pte Ltd	262.615.181	-
Khác	298.189.970	13.361.858
Tổng	<u>34.736.778.429</u>	<u>7.071.283.065</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ. Cụ thể:

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dự án Nam Rồng Đồi Mồi (*)	13.016.560.711	13.016.560.711
Dự án mở rộng kho Cù Lao Tào	-	8.440.511.332
Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi	10.106.694.807	-
Lắp đặt hệ thống pha chế nhiên liệu xăng E5, E10	4.430.133.365	-
Dự án Mở rộng Tổng kho XD Nhà Bè GD3	3.499.756.074	-
Hạ tầng bồn chứa và Kinh doanh NLSH	2.903.851.175	-
Cung cấp công nghệ bơm thử CN chất hoạt tính	2.707.676.355	-
Cung cấp máy bơm cho Cừu Long JOC	3.314.261.056	-
Hợp đồng thiết bị bảo mật, bản quyền phần mềm	-	7.712.409.000
Chi phí mua hồ sơ đơn hàng VT-066	-	3.466.195.760
Cung cấp máy đo phóng xạ Gamma tự nhiên	-	3.090.875.200
Khác	1.780.599.062	1.458.253.601
Tổng	41.759.532.605	37.184.805.604

(*) Hiện nay dự án Nam Rồng Đồi Mồi đã tạm dừng thực hiện chờ chủ đầu tư xem xét. Tổng chi phí phát sinh lũy kế đến thời điểm 30/06/2012 là 13.016.560.711 đồng.

5.5 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên đi công tác từ ngày 05/04/2011 đến ngày 30/06/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Mẫu B 09a - DN

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2012	32.188.800	5.043.370.468	1.688.641.306	103.614.748	6.867.815.322
Mua trong kỳ	-	-	126.009.090	-	126.009.090
Số dư tại 30/06/2012	32.188.800	5.043.370.468	1.814.650.396	103.614.748	6.993.824.412
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2012	18.240.320	1.294.107.579	1.235.239.055	73.868.210	2.621.455.164
Khấu hao trong kỳ	3.218.880	420.280.878	157.765.192	12.464.340	593.729.290
Số dư tại 30/06/2012	21.459.200	1.714.388.457	1.393.004.247	86.332.550	3.215.184.454
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2012	13.948.480	3.749.262.889	453.402.251	29.746.538	4.246.360.158
Tại 30/06/2012	10.729.600	3.328.982.011	421.646.149	17.282.198	3.778.639.958

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty CP Hậu cần Dầu khí Petechim	2.500.000.000	2.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	41.000.000.000	41.000.000.000
Công ty CP Xăng Dầu Dầu Khí Sài Gòn	11.000.000.000	11.000.000.000
Công Ty CP SX & Chế Biến Dầu Khí Phú Mỹ	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Xây Dựng Trang Trí Nội Thất ADC	17.000.000.000	17.000.000.000
Công ty CP Xăng Dầu Dầu Khí Pvoil Miền Trung	3.000.000.000	3.000.000.000
Dự phòng giảm giá ĐTTC dài hạn	(2.300.000.000)	(2.300.000.000)
Công ty CP Xây Dựng Trang Trí Nội Thất ADC	(2.300.000.000)	(2.300.000.000)
Tổng	41.200.000.000	41.200.000.000

- Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hậu Cần Dầu Khí Petechim với 250.000 cổ phần tương ứng với 25% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Hậu Cần Dầu Khí được thành lập tại khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa với chức năng đầu tư cơ sở hạ tầng để cung cấp dịch vụ hậu cần cho khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa.
- Chi tiết các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác như sau:
 - (a) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn với 1.100.000 cổ phần tương ứng với 5,5 % vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn được thành lập tại thành phố Hồ Chí Minh với chức năng kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ.
 - (b) Đầu tư vào Công ty Cổ phần sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ với 1.000.000 cổ phần tương ứng với 2 % vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ được thành lập tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với chức năng kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan.
 - (c) Khoản mua lại 1.000.000 cổ phiếu của công ty xây dựng trang trí kiến trúc ADC, chiếm 4,96% vốn điều lệ.
 - (d) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung với 700.000 cổ phần tương ứng với 5 % vốn điều lệ. Tại ngày 30/06/2012, Công ty đã góp 3 tỷ đồng tương đương 2,14% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung được thành lập tại tỉnh Quảng Ngãi với chức năng kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.8 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN HCM	12.838.795.760	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	2.655.994.475	-
Tổng	15.494.790.235	-

+ Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 008/HĐTD2-VIB601/12 ngày 15/02/2012 với tổng hạn mức tín dụng rủi ro liên thông là 80 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương (bao gồm cả dư nợ hiện tại), trong đó: hạn mức vay vốn ngắn hạn là 40 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương; hạn mức L/C là 80 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương; hạn mức bảo lãnh là 80 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn cho vay theo từng khế ước nhận nợ tối đa 06 tháng. Thời hạn giải ngân 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Nợ gốc trả vào cuối kỳ theo từng khế ước nhận nợ và lãi vay trả hàng tháng. Lãi suất vay áp dụng tại từng thời điểm giải ngân và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà Nước và pháp luật. Khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ngành dầu khí. Biện pháp đảm bảo tiền vay là tín chấp. Ngoài ra Công ty cam kết dòng tiền qua VIB tối thiểu 1.200 tỷ đồng. Dư nợ vay tại ngày 30/06/2012 là 616.420 Đô la Mỹ tương đương 12.838.795.760 đồng.

+ Khoản vay từ ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) tài khoản số 001-678853 theo thư đề nghị cung cấp tiện ích chung ngày 05/07/2011 với hạn mức hỗn hợp là 2.700.000 Đô la Mỹ bao gồm tiện ích nhập khẩu và tiện ích bảo lãnh. Cụ thể:

- Tiện ích nhập khẩu bao gồm: mở tín dụng chứng từ là 2.700.000 Đô la Mỹ, phí bảo lãnh nhận hàng 500.000 Đô la Mỹ; các khoản phí và dịch vụ liên quan đến mở tín dụng chứng từ khác sẽ được tính theo biểu phí của ngân hàng hoặc như được thông báo riêng. Khoản vay dành riêng cho nhập khẩu là 2.700.000 Đô la Mỹ, lãi suất cho vay cơ bản USD hoặc EUR hoặc SGD hoặc HKD hoặc VND của thời hạn tương ứng cộng với 1,75%/năm.
- Tiện ích bảo lãnh là 2.700.000 Đô la Mỹ. Mỗi bảo lãnh dự thầu sẽ có hiệu lực tối đa 3 tháng; mỗi bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành và bảo lãnh trả trước sẽ có hiệu lực tối đa 12 tháng. Phí bảo lãnh sẽ được tính ở mức 1%/năm (tối thiểu 1.000.000 đồng) trên giá trị bảo lãnh.

Biện pháp đảm bảo: Công ty cung cấp hợp đồng thế chấp các khoản phải thu từ tất cả các bên liên quan trị giá ít nhất 2.800.000 Đô la Mỹ, cung cấp Báo cáo các khoản phải thu vào mỗi quý không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Số dư nợ vay tại 30/06/2012 là 127.520,38 Đô la Mỹ tương đương 2.655.994.475 đồng.

5.9 THUẾ VÀ KHOẢN KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	-	1.475.369.543
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.670.473.970	9.188.374.368
Thuế thu nhập cá nhân	108.756.352	270.549.795
Tổng	4.779.230.322	10.934.293.706

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Hợp đồng cung cấp thiết bị lưu trữ (Gói 3)	-	5.321.562.210
Hợp đồng nâng cấp máy chủ Sun T - 32 (Gói 1)	-	3.951.602.000
Hợp đồng Nâng cấp 25 Licenses (EAM)	-	1.708.000.000
Hợp đồng cung cấp dầu PVEP	-	17.529.281.818
Chi phí cung cấp vật tư, thực phẩm cho tàu Viking	570.000.000	-
Chi phí vận chuyển nhiên liệu	700.000.000	-
Dự án Cù Lao Tào	1.754.499.900	-
Tổng	3.024.499.900	28.510.446.028

5.11 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	354.484.857	343.136.877
Bảo hiểm xã hội	159.810.708	3.996.708
Bảo hiểm y tế	29.132.700	-
Bảo hiểm thất nghiệp	12.396.400	-
Tổng Cty Dầu Việt Nam (PV OIL)	2.097.774.206	-
Nguyễn Thị Hằng	1.888.292.400	-
Phạm Thị Thanh	798.491.650	-
Lương Thị Thanh Tâm	-	965.115.650
Khác	41.271.288	500.000.000
Tổng	5.381.654.209	1.812.249.235

5.12 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Bảo trì và nâng cấp thiết bị hội nghị truyền hình	-	56.073.636
Thiết bị định vị khớp nối bọc bằng pp từ tính	-	5.429.162.350
Tổng	-	5.485.235.986

Các hợp đồng cung cấp lắp đặt thiết bị được tính doanh thu cho các năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Mẫu B 09a - DN

Thay đổi vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại 01/01/2011	50.000.000.000	(488.672.631)	13.769.096.936	2.941.631.830	12.236.595.899	78.458.652.034	
Tăng trong năm	-	488.672.631	6.392.904.773	1.065.484.128	21.309.682.573	29.256.744.105	
LNST 6 tháng đầu năm	-	-	-	-	16.055.076.405	16.055.076.405	
Trích quỹ 6 tháng đầu năm	-	-	4.816.522.922	802.753.820	-	5.619.276.742	
LNST 6 tháng cuối năm	-	-	-	-	5.254.606.168	5.254.606.168	
Trích quỹ 6 tháng cuối năm	-	-	1.576.381.851	262.730.308	-	1.839.112.159	
Đánh giá tỷ giá	-	488.672.631	-	-	-	488.672.631	
Giảm trong năm	-	627.153.704	-	-	18.419.409.417	19.046.563.121	
Trích quỹ 6 tháng đầu năm	-	-	-	-	8.830.292.024	8.830.292.024	
Trích quỹ 6 tháng cuối năm	-	-	-	-	2.890.033.393	2.890.033.393	
Đánh giá tỷ giá	-	627.153.704	-	-	-	627.153.704	
Chia cổ tức	-	-	-	-	6.699.084.000	6.699.084.000	
Số dư tại 31/12/2011	50.000.000.000	(627.153.704)	20.162.001.709	4.007.115.958	15.126.869.055	88.668.833.018	
Số dư tại 01/01/2012	50.000.000.000	(627.153.704)	20.162.001.709	4.007.115.958	15.126.869.055	88.668.833.018	
Tăng trong kỳ	150.000.000.000	979.183.343	-	-	11.404.799.344	162.383.982.687	
Tăng vốn	150.000.000.000	-	-	-	-	150.000.000.000	
LNST 6 tháng đầu năm	-	-	-	-	11.404.799.344	11.404.799.344	
Đánh giá tỷ giá	-	979.183.343	-	-	-	979.183.343	
Giảm trong kỳ	-	793.600.499	-	-	7.050.610.000	7.844.210.499	
Đánh giá tỷ giá	-	793.600.499	-	-	-	793.600.499	
Chia cổ tức	-	-	-	-	7.050.610.000	7.050.610.000	
Số dư tại 30/06/2012	200.000.000.000	(441.570.860)	20.162.001.709	4.007.115.958	19.481.058.399	243.208.605.206	

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

MẪU B 09a - DN

	Số đã thực góp đến 30/06/2012		Số đã thực góp đến 31/12/2011		Tăng/giảm	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	VND	%
Cổ đông lớn						
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - TNHH MTV	168.946.100.000	84,47	37.947.600.000	75,90	130.998.500.000	8,58
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tràng An	58.000.000.000	29,00	14.500.000.000	29,00	43.500.000.000	-
CBCNV XNLD Vietsovpetro	46.200.000.000	23,10	-	-	46.200.000.000	23,10
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	29.800.000.000	-	10.000.000.000	20,00	(10.000.000.000)	(20,00)
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố HCM (HD Bank)	22.000.000.000	14,90	-	-	29.800.000.000	14,90
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam Thiên Hà	7.056.100.000	11,00	-	-	22.000.000.000	11,00
Công ty CC14	7.056.100.000	3,53	-	-	7.056.100.000	3,53
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Thương mại Nhật Việt	3.390.000.000	-	1.000.000.000	2,00	(1.000.000.000)	(2,00)
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	2.500.000.000	1,70	9.947.600.000	19,90	(6.557.600.000)	(18,20)
Cổ đông khác						
Các cổ đông nắm giữ dưới 1% quyền biểu quyết	31.053.900.000	1,25	2.500.000.000	5,00	-	(3,75)
	31.053.900.000	15,53	12.052.400.000	24,10	19.001.500.000	(8,58)
	31.053.900.000	15,53	12.052.400.000	24,10	19.001.500.000	(8,58)
Tổng	200.000.000.000	100	50.000.000.000	100	150.000.000.000	-

	Cổ phần sáng lập		Cổ phần thưởng		Tổng	
	VND	%	VND	%	VND	%
Cổ đông sáng lập						
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - TNHH MTV	14.500.000.000	25,00	43.500.000.000	75,00	58.000.000.000	100
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Thương mại Nhật Việt	3.370.000.000	99,41	20.000.000	0,59	3.390.000.000	100
Ngân hàng Cổ phần Quốc tế Việt Nam	2.500.000.000	100	-	-	2.500.000.000	100
Ông Nguyễn Lê Minh - CBNV Tổng Công ty	7.630.000.000	100	-	-	7.630.000.000	100
Tổng	28.000.000.000	39,15	43.520.000.000	60,85	71.520.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**Cổ phiếu**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đầu kỳ	5.000.000	-
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong kỳ	15.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	20.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	11.409.937	5.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

5.14 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	119.429.055.430	222.811.650.551
Doanh thu cung cấp dịch vụ	358.426.671.092	23.483.005.485
Tổng	477.855.726.522	246.294.656.036
Hàng bán bị trả lại	(3.021.640.244)	-
Tổng	474.834.086.278	246.294.656.036

5.15 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	99.908.394.624	196.382.444.283
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	341.837.425.407	12.136.669.355
Tổng	441.745.820.031	208.519.113.638

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.16 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.792.970.863	3.660.206.839
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	256.421.600	1.867.099.083
Chiết khấu thanh toán được hưởng	156.222.908	-
Tổng	2.205.615.371	5.527.305.922

5.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền vay	16.937.538	276.314.934
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	202.910.225	1.440.940.572
Tổng	219.847.763	1.717.255.506

5.18 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.272.537.236	6.500.855.783
Chi phí đồ dùng văn phòng	47.706.991	8.589.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.300.909	5.130.000
Chi phí bằng tiền khác	4.205.825.312	4.450.490.812
Tổng	9.556.370.448	10.965.066.102

5.19 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.665.449.551	4.289.487.054
Chi phí đồ dùng văn phòng	165.800.488	226.462.424
Chi phí khấu hao TSCĐ	593.244.429	532.477.766
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.992.863.245	1.572.619.000
Chi phí bằng tiền khác	3.776.324.031	3.079.792.612
Tổng	10.193.681.744	9.700.838.856

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.20 LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập do được hưởng và bồi hoàn hợp đồng	140.402.917	799.246.649
Thu nhập khác	69.221.477	-
Tổng	209.624.394	799.246.649
Chi phí khác		
Chi phí vi phạm hợp đồng	327.206.931	312.165.965
Tổng	327.206.931	312.165.965
(Lỗ)/lãi từ thu nhập khác	(117.582.537)	487.080.684

5.21 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận kế toán	15.206.399.126	21.406.768.540
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	15.206.399.126	21.406.768.540
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.801.599.782	5.351.692.135

5.22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	11.404.799.344	16.055.076.405
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	11.404.799.344	16.055.076.405
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	11.409.937	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	999,55	3.211,02

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.23 BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận hoạt động:- bộ phận thương mại, bộ phận dịch vụ và bộ phận ủy thác nhập khẩu. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của các bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận thương mại : cung cấp vật tư, thiết bị

Bộ phận dịch vụ : cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu của các đơn vị trong và ngoài ngành dầu khí

Bộ phận ủy thác nhập khẩu : nhập khẩu ủy thác vật tư, thiết bị cho các dự án trong và ngoài ngành dầu khí

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 như sau:

Bảng Cân đối kế toán

	Thương mại	Dịch vụ	Nhập khẩu ủy thác	Tổng cộng
	30/6/2012	30/6/2012	30/6/2012	30/6/2012
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	84.049.313.630	82.771.471.832	61.728.399.575	228.549.185.037
Tài sản không phân bổ				332.250.780.445
Tổng tài sản				560.799.965.482
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	27.501.961.786	124.027.275.594	77.444.254.073	228.973.491.453
Nợ phải trả không phân bổ				88.617.868.823
Tổng nợ phải trả				317.591.360.276

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.23 BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Kết quả hoạt động kinh doanh

	Thương mại	Dịch vụ	Nhập khẩu ủy thác	Tổng cộng
	Trừ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Trừ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Trừ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Trừ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	116.407.415.186	351.098.516.633	7.328.154.459	474.834.086.278
Giá vốn hàng hóa dịch vụ	99.908.394.624	341.837.425.407	-	441.745.820.031
Kết quả kinh doanh bộ phận	16.499.020.562	9.261.091.226	7.328.154.459	33.088.266.247
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh				19.750.052.192
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				13.338.214.055
Doanh thu từ các khoản đầu tư				2.205.615.371
Lỗ khác				(117.582.537)
Chi phí tài chính				219.847.763
Lợi nhuận trước thuế				15.206.399.126
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				3.801.599.782
Lợi nhuận trong kỳ				11.404.799.344

6 THÔNG TIN KHÁC

6.1 CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Từ ngày 01/06/2012, Công ty đã chuyển trụ sở văn phòng về địa điểm mới là tòa nhà Petroland đặt tại số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh. Hiện nay, Công ty đang tiến hành thỏa thuận với Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí – PETROLAND (chủ đầu tư) về việc thuê hoặc mua lại diện tích đang sử dụng. Khoản công nợ phải trả tiềm tàng liên quan đến tiền thuê văn phòng của tháng 06/2012 phụ thuộc vào kết quả của việc thỏa thuận trên.

6.2 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan là các cổ đông sáng lập như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
		đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
		VND	VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Mua hàng	216.676.536.836	6.993.675.900
	Bán hàng	18.285.542.309	12.842.490.206
	Trả cổ tức	2.044.500.000	1.943.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Thương mại Nhật Việt	Mua hàng	-	3.453.634.800
	Trả cổ tức	477.990.000	1.332.978.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Vay	23.252.795.760	-
	Trả cổ tức	352.500.000	335.000.000

Số dư cuối kỳ với các bên liên quan là các cổ đông sáng lập như sau:

Bên liên quan	Nội dung	30/06/2012	01/01/2012
		VND	VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Phải trả nhà cung	124.027.275.594	-
	Người mua trả tiền	27.190.159.738	7.713.687.701
	Phải trả khác	2.097.774.206	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Vay	12.838.795.760	-

Thu nhập và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ:

Bên liên quan	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
	đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
	VND	VND
Thu nhập và thù lao của HĐQT, BGD, BKS	530.000.000	1.250.795.361

6.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	1/1/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	199.346.174.461	2.979.004.295
Phải thu khách hàng và phải thu khác	268.058.829.632	105.218.280.192
Đầu tư ngắn hạn	-	83.696.000.000
Đầu tư dài hạn	41.200.000.000	41.200.000.000
Tổng cộng	508.605.004.093	233.093.284.487
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	15.494.790.235	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác	299.061.406.641	152.403.094.720
Chi phí phải trả	-	28.510.446.028
Tổng cộng	317.580.696.776	180.913.540.748

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tuy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

6.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<u>Tài sản</u>	<u>Công nợ</u>
	<u>30/6/2012</u>	<u>30/6/2012</u>
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	97.357.446.859	42.913.498.415
Euro (EUR)	97.097.665	2.446.591.328
	<u>97.454.544.523</u>	<u>45.360.089.742</u>

Khi tỷ giá biến động tăng/giảm với biên độ 10% thì tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng sẽ tăng/giảm tương ứng là 5,2 tỷ đồng.

Công ty đã thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro biến động tỷ giá bằng cách vay ngoại tệ để có nguồn thanh toán cho nhà cung cấp. Lãi vay ngoại tệ phải trả sẽ được bù bằng lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng bằng Việt Nam đồng. Ban Giám đốc tin tưởng rằng chênh lệch lãi suất giữa vay ngoại tệ và tiền gửi bằng Việt Nam đồng sẽ đảm bảo rủi ro biến động tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

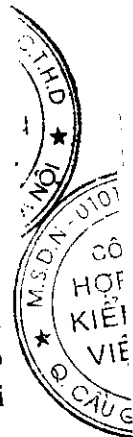
Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.



6.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan và các khách hàng hoạt động chủ yếu trong ngành dầu khí và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 đã được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.



Trần Văn Mạnh
Tổng Giám đốc

tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2012

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

